

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 12 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Anh Đ; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Anh Lưu Vĩnh N; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị Đ, anh N. Chị Đ, anh N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Anh Đ trình bày: Chị và anh Lưu Vĩnh N kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được khoảng 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, chị nghi ngờ anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Nhiều lần anh N còn đánh đập chị. Hai bên gia đình đã hoà

giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Thị Việt T, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 29/11/2016. Nếu ly hôn, chị Đ giao cả hai cháu cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Vĩnh N trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, chị Đ hay ghen tuông vô cớ. Khi vợ chồng cãi nhau, anh có dùng ghế đánh chị Đ, sau đó hai bên gia đình đã hoà giải, anh cũng đã xin lỗi chị Đ và hứa không tái phạm nữa. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, chị Đ không quan tâm gì tới anh nhưng anh vẫn quan tâm, hỏi thăm chị Đ. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Thị Việt T, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 29/11/2016. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh đang làm dẫn chương trình đám cưới, thu nhập bình quân hằng tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), anh đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị Đ, anh N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị Anh Đ được ly hôn anh Lưu Vĩnh N. Giao cháu Lưu Thị Việt T, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 29/11/2016 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lưu Vĩnh N, nơi cư trú tại Thôn Q, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Bùi Thị Anh Đ và anh Lưu Vĩnh N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ, anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Anh Đ và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, nghi ngờ tình cảm của nhau. Chị Đ cương quyết muốn được ly hôn. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận từ năm 2023 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và anh có dùng ghế đánh chị Đ, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ chị Đ, anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh N có 02 con chung. Chị Đ và anh N đã tự nguyện thống nhất về việc giao người trực tiếp nuôi con. Các cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của chị Đ và anh N: giao cả hai cháu cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của anh N, đây là sự tự nguyện của anh N, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị Đ, anh N không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Anh Đ được ly hôn anh Lưu Vĩnh N.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Thị Việt T, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 29/11/2016 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004394 ngày 08/10/2024. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Đ, anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Quang Trung;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh